

TCCS



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 659: 2018/BVTV

Xuất bản lần 1

**QUY ĐỊNH NGƯỠNG PHÒNG TRỪ ĐỐI VỚI
SÂU CUỐN LÁ NHỎ HẠI LÚA**

Regulation threshold for rice leaf folder control

HÀ NỘI – 2018

Lời nói đầu

Cơ quan biên soạn: Phòng Bảo vệ thực vật

Cơ quan đề nghị ban hành: Phòng Bảo vệ thực vật

Cơ quan trình duyệt: Hội đồng Khoa học Cục Bảo vệ thực vật

Cơ quan xét duyệt ban hành: Cục Bảo vệ thực vật

Quyết định ban hành số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Quy định ngưỡng phòng trừ đối với sâu cuốn lá nhỏ hại lúa

Regulation threshold for rice leaf folder control

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định ngưỡng phòng trừ bằng biện pháp hóa học đối với sâu cuốn lá nhỏ gây hại cây lúa.

2. Tài liệu viện dẫn

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-38:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng ban hành kèm theo Thông tư 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10/12/2010;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-166:2014/BNNPTNT về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại lúa ban hành kèm theo Thông tư 16/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014.

3. Giải thích từ ngữ

3.1. Ngưỡng phòng trừ là khi mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại cao đến một mức độ nhất định cần phải tiến hành các biện pháp phòng trừ nếu không sẽ gây thiệt hại năng suất cây trồng.

3.2. Mật độ sâu cuốn lá nhỏ là số lượng cá thể sâu cuốn lá nhỏ trên một đơn vị diện tích.

3.3. Yếu tố điều tra chính là các yếu tố đại diện có liên quan đến sâu cuốn lá nhỏ, bao gồm yếu tố giống, thời vụ, thâm canh, địa hình, tập quán canh tác, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng.

3.4. Tuyến điều tra là tuyến được xác định theo một lịch trình đã định sẵn ở khu vực điều tra và thỏa mãn các yếu tố điều tra chính của địa phương.

3.5. Điểm điều tra là điểm được bố trí tương đối ngẫu nhiên và đồng đều trên tuyến điều tra.

3.6. Điều tra định kỳ là hoạt động điều tra thường xuyên của cán bộ bảo vệ thực vật trong khoảng thời gian định trước trên tuyến điều tra thuộc khu vực điều tra nhằm nắm được diễn biến của sinh vật gây hại và thiên địch của sâu cuốn lá nhỏ.

3.7. Điều tra bổ sung là mở rộng tuyến điều tra hoặc tăng số lần điều tra vào các thời kỳ xung yếu của cây lúa hoặc trong vùng dịch, vùng độm, vùng bị dịch uy hiếp, nhằm xác định thời gian phát sinh, diện phân bố và mức độ gây hại của sâu cuốn lá nhỏ trên cây lúa ở địa phương, cũng như sự lây lan hoặc tái phát dịch.



4. Quy định ngưỡng phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ hại lúa

4.1. Yêu cầu về kỹ thuật

4.1.1. Thời gian điều tra

- Điều tra định kỳ: 7 ngày/lần ở tuyến điều tra với các yếu tố điều tra trong khu vực, điều tra cố định ngay từ đầu vụ.
- Điều tra bổ sung: Tiến hành trước, trong và sau cao điểm xuất hiện sâu cuốn lá nhỏ.

4.1.2. Điểm điều tra

Mỗi yếu tố điều tra 10 điểm ngẫu nhiên và đồng đều trên tuyến điều tra của khu vực điều tra. Điểm điều tra phải cách bờ ít nhất 2 m.

4.1.3. Mẫu điều tra

- Trên mạ và lúa sạ: 1 khung (40 x 50 cm)/điểm.
- Trên lúa cấy: 10 khóm/điểm.

4.1.4 Cách điều tra

- Quan sát từ xa đến gần, sau đó đếm trực tiếp số lượng các pha phát dục có trên từng khóm (dảnh) lúa trong điểm điều tra; phân tuổi của pha sâu non.
- Điều tra mật độ trứng và sâu non tuổi 1: Lấy tối thiểu 3 khóm lúa ngẫu nhiên/điểm để làm các chỉ tiêu trên.

- Điều tra trưởng thành sâu cuốn lá nhỏ: Trong thời gian trưởng thành rộ, dùng thước điều tra để gạt lúa theo băng có chiều rộng 1 mét, chiều dài tùy theo kích thước ruộng điều tra (tối thiểu 10 mét), đếm toàn bộ số trưởng thành có trong băng đó; hoặc dùng vợt điều tra, mỗi điểm vợt 3 vợt (một lần vợt đi và 1 lần vợt trở lại mới tính là 1 vợt; miệng vợt luôn vuông góc và sâu xuống tán lá khoảng 1/3 miệng vợt; lấy thân người vợt làm tâm quay vợt 180^0), rồi tính ra số trưởng thành/m².

4.1.5. Các chỉ tiêu cần theo dõi

- Mật độ sâu cuốn lá nhỏ (con/m²);
- Mật độ trứng (quả/m²);
- Mật độ các loại sinh vật có ích (con/m²);
- Mật độ trưởng thành (con/m²);
- Tỷ lệ tuổi sâu (%);
- Tỷ lệ ký sinh (%);

4.1.6. Công thức tính mật độ

$$\text{Mật độ sâu/trứng/ sinh vật có ích (con/m}^2\text{, trứng/m}^2\text{)} = \frac{\text{Tổng số sâu/ trứng/ sinh vật có ích điều tra}}{\text{tổng số m}^2\text{ điều tra}}$$

$$\text{Tỷ lệ tuổi sâu (\%)} = \frac{\text{Tổng số sâu sống ở từng tuổi}}{\text{Tổng số sâu điều tra}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ ký sinh (\%)} = \frac{\text{Tổng số cá thể bị ký sinh}}{\text{Tổng số cá thể điều tra}} \times 100$$

4.2. Ngưỡng phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ hại lúa

4.2.1. Quy định ngưỡng mật độ sâu cuốn lá nhỏ hại lúa để áp dụng biện pháp phòng trừ

TT	Giai đoạn sinh trưởng	Mật độ sâu non (con/m ²)
1	Đẻ nhánh	50
2	Đòng - trổ	20

4.2.2. Điều kiện áp dụng

- Ngưỡng mật độ trên được áp dụng trong phòng trừ khi sâu non sâu cuốn lá nhỏ phổ biến ở tuổi 1-3;

- Căn cứ các yếu tố sau để quyết định mật độ phòng trừ có thể cao hơn ngưỡng quy định:

- + Tình hình sinh trưởng phát triển của cây lúa;
- + Mật độ sinh vật có ích của sâu cuốn lá nhỏ;
- + Tỷ lệ ký sinh;
- + Điều kiện thời tiết;
- + Tập quán canh tác: Mật độ cấy dày, thưa, chế độ nước tưới, phân bón...